

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **719** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **27** tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương và dự toán điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 47/2016/NĐ-CP, ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung 1.210.000 đồng/tháng;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/0/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của liên Bộ: Nội vụ, Lao động-Thương binh và xã hội, Tài chính và Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 66/TTr-SNN ngày 30 tháng 03 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, với những nội dung sau:

1. Tên đề cương và dự toán: Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

2. Quy mô và địa điểm thực hiện: Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung với diện tích 21.865,87 ha (bổ sung thêm 9.415,67 ha) nằm trên địa bàn các xã: xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong; xã Đắk Hòa, Nam N'Jang, Đắk Mol, huyện Đắk Song; xã Đức Xuyên, Nam Nung, Nam N'Đir, huyện Krông Nô.

3. Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.

4. Chủ đầu tư: Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung.

5. Nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung:

- Điều chỉnh, bổ sung quy mô và địa điểm thực hiện: Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung với diện tích 21.865,87 ha (bổ sung thêm 9.415,67 ha) nằm trên địa bàn các xã: xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong; xã Đắk Hòa, Nam N'Jang, Đắk Mol, huyện Đắk Song; xã Đức Xuyên, Nam Nung, Nam N'Đir, huyện Krông Nô;

- Điều tra, bổ sung thông tin về đa dạng sinh học, đời sống dân sinh trên diện tích đất bổ sung (9.415,67 ha);

- Bổ sung thiết kế quy hoạch về nhu cầu vốn đầu tư, tổ chức lãnh thổ, lập lại bản đồ quy hoạch;

- Xây dựng và hoàn thiện quy hoạch trên hiện trạng diện tích mới tại Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Đề án mở rộng diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung đảm bảo các mục tiêu đặt ra của quy hoạch.

6. Sản phẩm giao nộp:

- Báo cáo Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (06 bộ).

- Các loại bản đồ thành quả gồm:

+ Bản đồ hiện trạng rừng và đất đai Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỷ lệ 1/25.000: 06 bộ;

+ Bản đồ quy hoạch bảo tồn và phát triển Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỷ lệ 1/25.000: 06 bộ;

+ Bản đồ quy hoạch chung xây dựng kết cấu hạ tầng Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỷ lệ 1/25.000: 06 bộ;

+ Bản đồ quy hoạch phát triển Du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỷ lệ 1/25.000: 06 bộ;

+ Bản đồ phạm vi, quy mô, ranh giới và quy hoạch đầu tư phát triển vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỷ lệ 1/25.000: 06 bộ;

+ Bản đồ phân bố động, thực vật quý hiếm Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỷ lệ 1/25.000: 06 bộ.

7. Giá trị dự toán bổ sung: 648.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

8. Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp quy hoạch năm 2017 và 2018.


9. Thời gian thực hiện: Năm 2017.

Điều 2.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 theo đúng các nội dung ghi tại Điều 1 của Quyết định này; quản lý thanh, quyết toán theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí bổ sung kinh phí năm 2017 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH, NN(Thi).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn

PHỤ LỤC

Dự toán kinh phí lập bổ sung Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Khoản mục chi phí	Đơn giá	Định mức	Chi phí (đồng)	Ghi chú
A	Các chi phí lập quy hoạch chung (Theo thông tư 01/2012/TT-BKHĐT ngày 9/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)			29.703.556	
1	Chi phí lập dự toán theo đề cương nhiệm vụ	212.168.254	1	2.121.683	
2	Chi phí thẩm định đề cương, dự toán	212.168.254	1,5	3.182.524	
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	212.168.254	4,5	9.547.571	
4	Chi phí quản lý dự án quy hoạch	212.168.254	4	8.486.730	
5	Chi phí công bố quy hoạch	212.168.254	3	6.365.048	
B	Các chi phí lập quy hoạch chuyên ngành (theo QĐ 487/QĐ-BNN-TCCN ngày 26/07/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)			516.784.280	
1	Chuẩn bị			30.952.722	
2	Điều tra theo chuyên đề			204.524.256	
2.1	Điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và sử dụng đất trên diện tích bổ sung.			112.664.200	
2.2	Điều tra dân số, KTXH và thực trạng SXLN trên địa bàn bổ sung			91.860.057	
3	Khảo sát quy hoạch			46.697.757	
4	Tổng hợp xây dựng quy hoạch			210.308.450	
5	Công phục vụ (1/15 công Ngoại + nội nghiệp)			24.301.095	
C	Chi phí khác			42.890.000	
1	Chi phí văn phòng phẩm			3.790.000	
2	Chi phí đi lại			3.000.000	
3	Chi phí hội họp			36.100.000	
D	Thuế VAT (10% x (A+B+C))			58.937.784	
TỔNG DỰ TOÁN				648.315.620	
Làm tròn				648.000.000	